

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-PT

Ngày: 05/5/2022

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán  
và tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán và tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2021/DS – ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Từ T, sinh năm 1997;

Cư trú tại: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Hồng T1, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2022).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy Vân - Luật sư Văn phòng luật sư Lê Thùy Vân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972;

Cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Từ T là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Từ T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết trong việc làm ăn nên anh Nguyễn Từ T và ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận về việc mua bán cây sầu riêng gốc ghép. Hai bên ký kết Hợp đồng mua bán ngày 20/12/2019 với nội dung là:

- Bên A (anh T) phối hợp kỹ thuật và thu mua gốc ghép, bên B (ông H) cung cấp sản phẩm và kỹ thuật ghép, cụ thể: sản phẩm cung cấp là gốc sầu riêng ghép có đường kính 1,4cm trở lên, gốc ghép là gốc sầu riêng độ tuổi từ 2 năm tuổi. Chiều dài thân ghép từ mặt đất lên là 30cm (nếu Th theo chiều cả ộp lá lên trung bình từ 60cm - 65cm tùy theo rễ dài hay ngắn).

- Giá thu mua: 23 đồng/gốc (đây là lỗi đánh máy, giá thực tế thỏa thuận là 23.0000đồng/gốc).

- Số lượng gốc cung cấp: 55.000 gốc.

- Thời gian cung cấp hàng dự kiến từ 04/02/2020 đến 04/3/2020, chia làm 05 lần giao, một lần là 11.000 gốc, thanh toán chậm nhất 04 ngày, nếu không thanh toán thì ngưng giao cây, bên B sẽ giữ cọc đến chuyển cuối.

- Phương thức thanh toán: Bên A (anh T) cọc trước cho bên B theo hợp đồng là 250.000.000 đồng chia làm 03 lần giao nhưng trên thực tế hai bên thống nhất thỏa thuận lại tiền cọc là 200.000.000 đồng, anh T đã giao đủ cho ông H vào ngày ký hợp đồng là ngày 20/12/2019, tiền cọc này là nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng và được trừ vào lần thanh toán cuối.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký tức ngày 20/12/2019 đến ngày 04/3/2020.

Theo thỏa thuận thực tế không ghi trong hợp đồng thì anh T có nghĩa vụ đưa xe tải đến chỗ ông H để lấy cây, chi phí thuê xe và nhân công bốc cây lên xe do anh T chịu, anh T cho rằng đến thời hạn giao cây giống như thỏa thuận thì anh T có gọi điện thoại cho ông H để yêu cầu đến nhận cây nhưng ông H nói đang nước mặn chưa bứng cây giao được, nếu bứng sẽ chết, sau đó anh T có gọi điện thoại nhiều lần yêu cầu nhận cây nhưng ông H vẫn cho rằng nước mặn chưa bứng được. Đến khi hết nước mặn cũng cùng thời điểm hết hợp đồng anh T có gọi điện thoại cho ông H để nhận cây nhưng ông H lại cho rằng đã hết thời hạn hợp đồng nên không giao cây nữa.

Nay anh T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng mua bán ngày 20/12/2019 giữa anh

Nguyễn Từ T và ông Nguyễn Văn H, buộc ông H trả lại số tiền cọc đã nhận là 200.000.000 đồng, anh T không yêu cầu tính lãi.

*Theo biên bản làm việc ngày 08/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Từ T có thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán ngày 20/12/2019 về việc mua bán cây sầu riêng gốc ghép, nội dung thỏa thuận về sản phẩm, giá thu mua, thời gian dự kiến cung ứng hàng và phương thức thanh toán, thời gian hiệu lực của hợp đồng như anh T trình bày.

Theo hợp đồng thì “Thời gian, địa điểm giao: Bên A thông báo thời gian, địa điểm thu mua sản phẩm cho bên B trước ít nhất 3 ngày” tuy nhiên thực tế hai bên thỏa thuận là phải báo trước 7 ngày để ông H báo lại với nhà vườn gom cây.

Ông H có nhận 200 triệu đồng tiền đặt cọc từ anh T, tiền cọc này là để đảm bảo thực hiện hợp đồng, đến đợt giao hàng cuối mới trừ vào tiền hàng. Việc giao hàng hai bên thỏa thuận bằng lời nói (không có ghi nhận trong hợp đồng) là anh T đưa xe tải đến chỗ của ông H để nhận cây, chi phí thuê xe, nhân công bốc cây lên xe do anh T chịu. Tuy nhiên trong thời gian từ ngày 04/02/2020 cho đến ngày 04/3/2020 anh T không đến nhận hàng cũng không liên lạc gì gia hạn lại hợp đồng là vi phạm hợp đồng. Mặt khác, để giao hàng đúng hạn cho anh T, ông H có hợp đồng với nhiều nhà vườn thu mua sầu riêng gốc ghép, thời gian đó nước mặn cây chết dần đến thua lỗ, nên ông H không đồng ý trả tiền cọc là 200 triệu đồng theo yêu cầu của anh T. Do hợp đồng đã hết hiệu lực nên không còn giá trị, anh T vi phạm hợp đồng vì vậy anh T phải mất cọc cho ông số tiền 200.000.000 đồng, ông H không có yêu cầu gì khác liên quan đến hợp đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2021/DS – ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Từ T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán ngày 20/12/2019 giữa anh Nguyễn Từ T với ông Nguyễn Văn H và đòi lại tiền cọc.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/12/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Từ T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H nhiều lần thừa nhận thỏa thuận thực tế giữa hai bên về việc mua bán gốc cây sầu riêng. Theo đó, ông T giao cho ông H 200.000.000 đồng tiền cọc để đặt mua 55.000 gốc sầu riêng, trong thời hạn thực hiện hợp đồng ông H là người lo thực hiện các quá trình để giao ra sản phẩm gốc sầu riêng cho ông T, cụ thể: Ông H là người tưới cây để mềm đất trong thời gian khoảng 07 ngày để đất đủ mềm, khi đó gốc cây bứng lên sẽ không bị vỡ bầu đất (vì lúc này là vào cao điểm mùa khô), thuê nhân công để bứng cây, thuê xe vận chuyển, thuê bãi giao nhận cây lên xe tải lớn... Ông T có nhiệm vụ đem xe đến bãi tập kết cây để nhận cây, kiểm đếm và vận chuyển đi giao cây tại Đaklak. Như vậy, phía ông H đảm nhận các quá trình thực hiện để làm ra sản phẩm nên không thể nào ông T là người thông báo thời gian, địa điểm giao cây như ông H trình bày vì ông H phải sắp xếp thực hiện các bước quy trình như trên để tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu và ông T cũng không biết các điểm ông H mua cây để giao cho ông T là ở đâu. Việc hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của ông H vì ông không thông báo cho ông T biết về việc đến nhận hàng trong thời gian hợp đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc ông H phải hoàn trả lại cho ông T số tiền 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng:

Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Từ T, sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các bên đương sự thống nhất trình bày ngày 20/12/2019 giữa anh Nguyễn Từ T với ông Nguyễn Văn H có lập hợp đồng mua bán gốc cây sầu riêng ghép với nội dung:

- Bên A (anh T) phối hợp kỹ thuật và thu mua gốc ghép, bên B (ông H) cung cấp sản phẩm và kỹ thuật ghép, cụ thể: sản phẩm cung cấp là gốc sầu riêng ghép có đường kính 1,4cm trở lên, gốc ghép là gốc sầu riêng độ tuổi từ 2 năm tuổi. Chiều dài thân ghép từ mặt đất lên là 30cm (nếu Th theo chiều cả ốp lá lên trung bình từ 60cm - 65cm tùy theo rễ dài hay ngắn).

- Giá thu mua: 23 đồng/gốc (đây là lỗi đánh máy, giá thực tế thỏa thuận là 23.0000đồng/gốc).

- Số lượng gốc cung cấp: 55.000 gốc.

- Thời gian cung cấp hàng dự kiến từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/3/2020, chia làm 05 lần giao, một lần là 11.000 gốc, thanh toán chậm nhất 04 ngày, nếu không thanh toán thì ngưng giao cây, bên B sẽ giữ cọc đến chuyển cuối.

- Phương thức thanh toán: Bên A (anh T) cọc trước cho bên B theo hợp đồng là 250.000.000 đồng chia làm 03 lần giao nhưng trên thực tế hai bên thống nhất thỏa thuận lại tiền cọc là 200.000.000 đồng, anh T đã giao đủ cho ông H vào ngày ký hợp đồng là ngày 20/12/2019, tiền cọc này là nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng và được trừ vào lần thanh toán cuối.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký tức là ngày 20/12/2019 đến ngày 04/3/2020 và thời gian giao hàng dự kiến từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/3/2020.

[2] Nguyên đơn cho rằng đến hạn giao cây theo hợp đồng anh T gọi điện thoại cho ông H đề yêu cầu đến nhận cây nhưng ông H nói đang nước mặn chưa bứng cây giao được nếu bứng cây sẽ chết và sau đó anh T có gọi điện thoại nhiều lần ông H vẫn trả lời còn nước mặn chưa bứng cây được. Cùng thời điểm hết hạn hợp đồng, anh T có gọi điện thoại cho ông H yêu cầu giao cây thì ông H cho rằng đã hết hạn hợp đồng nên không giao cây nữa. Do ông H vi phạm hợp đồng nên anh T yêu cầu trả lại 200.000.000 đồng đã giao.

Bị đơn thì cho rằng trong thời hạn giao hàng ông H có gọi điện thoại cho anh T đề đến nhận cây nếu không thì đến gặp ông để gia hạn hợp đồng nhưng anh T không đến để gia hạn hợp đồng là lỗi của anh T nên ông H không đồng ý trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét thấy, việc mua bán gốc cây sầu riêng giữa hai bên có lập hợp đồng thành văn bản nhưng hai bên đương sự trình bày không thống nhất với nhau việc giao nhận cây theo hợp đồng. Căn cứ Điều 3 Hợp đồng mua bán quy định trách nhiệm của bên B là phối hợp với bên A để tổ chức thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết. Cũng theo thỏa thuận thực tế không ghi trong hợp đồng được phía anh T, ông H thừa nhận, thì phía nguyên đơn có nghĩa vụ đưa xe tải đến để lấy cây, chi phí thuê xe và nhân công bốc cây lên xe do anh T chịu; ông H thừa nhận ông là người chịu trách nhiệm thông báo cho phía ông T về địa điểm, thời gian giao nhận cây sau khi đã chuẩn bị đủ hàng.

Tuy nhiên, đến ngày hết hạn hợp đồng ngày 04/3/2020 là ngày cuối cùng hai bên phải tiến hành giao nhận cây nhưng hai bên vẫn chưa thực hiện giao và nhận hàng. Các bên đương sự trình bày có liên hệ qua điện thoại để yêu cầu nhận cây và giao cây nhưng đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, các bên không chứng minh được việc đã phối hợp, tổ chức thực hiện hợp đồng mua bán nhưng không thành do lỗi của bên kia; và trên thực tế hợp đồng này chưa được các bên thực hiện; trong khi đó ông H cũng không chứng

minh được thiệt hại xảy ra do hợp đồng không thực hiện được. Nên nay anh T khởi kiện yêu cầu ông H hoàn trả lại tiền cọc 200.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ nêu để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2021/DS – ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Từ T. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Nguyễn Từ T là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai số 0000860 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Từ T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001871 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Từ T;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 177/2021/DS – ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 328, 351, 361 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 ; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Từ T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán ngày 20/12/2019 giữa anh Nguyễn Từ T với ông Nguyễn Văn H và đòi lại tiền cọc.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho anh Nguyễn Từ T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Nguyễn Từ T là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai số 0000860 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Từ T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001871 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**